



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng  
Cơ quan: Tỉnh Sóc Trăng

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1193/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn đi qua địa bàn huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 1293/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 22/5/2023).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn đi qua địa bàn huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng), cụ thể như sau:

- Diện tích và vị trí đất thu hồi: Khoảng 68,27 ha đất tại xã Đại Tâm, xã Tham Đôn và thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.
- Loại đất và giá đất cụ thể

Stt	Đặc điểm thửa đất	Loại đất	Phạm vi áp dụng	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
<b>A</b>	<b>Xã Đại Tâm</b>			
<b>I</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>			
1	Tiếp giáp Quốc lộ 1A đoạn từ ngã 3 Trà Tim đến hết ranh đất Chùa Salôn (Chùa Chén Kiêu)	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30m, tính từ mép lộ giới	7.875.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	3.937.500

Stt	Đặc điểm thửa đất	Loại đất	Phạm vi áp dụng	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
2	Tiếp giáp Đường 939 (Đại Tâm - Phú Mỹ) đoạn còn lại (đoạn từ hết ranh Cây xăng Quang Nhật đến giáp ranh xã Phú Mỹ)	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30m, tính từ mép lộ giới	1.907.400
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	953.700
3	Tiếp giáp nương thủy lợi cấp Đường 939 (Đại Tâm - Phú Mỹ) đoạn còn lại (đoạn từ hết ranh Cây xăng Quang Nhật đến giáp ranh xã Phú Mỹ)	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30m, tính từ mép lộ giới	1.142.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	571.000
4	Tiếp giáp đường đal, đường bê tông còn lại trên địa bàn xã Đại Tâm (trong phạm vi dự án)	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30m, tính từ mép lộ giới	716.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	368.000
5	Đất ở còn lại (tiếp giáp đường đất hiện trạng, bờ kênh, vị trí còn lại)	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thực hiện dự án	368.000
<b>II Đất nông nghiệp</b>				
<b>II.1 Đất nông nghiệp của các thửa đất tiếp giáp các tuyến đường giao thông</b>				
1	Tiếp giáp Quốc lộ 1A đoạn từ Ngã 3 Trà Tim đến hết ranh đất Chùa Salôn (Chùa Chén Kiểu)	Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	3.559.600
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	1.779.800
2	Tiếp giáp Đường 939 (Đại Tâm - Phú Mỹ) đoạn còn lại (đoạn từ hết ranh Cây xăng Quang Nhật đến giáp ranh xã Phú Mỹ)	Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	845.400
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	422.700
3	Tiếp giáp nương thủy lợi cấp Đường 939 (Đại Tâm - Phú Mỹ) đoạn còn lại (đoạn từ hết ranh Cây xăng Quang Nhật đến giáp ranh xã Phú Mỹ)	Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	506.300
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	253.100
4	Tiếp giáp đường đal, đường bê tông còn lại trên địa bàn xã Đại Tâm (trong phạm vi dự án)	Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	296.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	148.000



Stt	Đặc điểm thửa đất	Loại đất	Phạm vi áp dụng	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
<b>II.2</b>	<b>Đất nông nghiệp còn lại khu vực giáp ranh và đất nông nghiệp còn lại trên địa bàn xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên</b>			
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp khu vực giáp ranh xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú (phía Tây: Giáp ranh xã Phú Mỹ; phía Đông: Giáp kênh 19/5)</b>			
1.1	Đất nông nghiệp còn lại tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 6, khu vực 3	79.600
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	79.600
1.2	Đất nông nghiệp còn lại không tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 6, khu vực 3	69.200
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	69.200
<b>2</b>	<b>Đất nông nghiệp khu vực giáp ranh Phường 10, thành phố Sóc Trăng (phía Bắc: Giáp ranh Phường 10, thành phố Sóc Trăng; phía Nam: Giáp kênh Tia Phan)</b>			
2.1	Đất nông nghiệp còn lại tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 5, khu vực 3	147.600
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	147.600
2.2	Đất nông nghiệp còn lại không tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 5, khu vực 3	128.400
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	128.400
<b>3</b>	<b>Đất nông nghiệp còn lại khu vực từ: Phía Bắc: Giáp kênh Tia Phan; phía Nam: Giáp Đường tỉnh 939</b>			
3.1	Đất nông nghiệp còn lại tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 5, khu vực 3	129.600
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	129.600
3.2	Đất nông nghiệp còn lại không tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 5, khu vực 3	112.800
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	112.800
<b>4</b>	<b>Đất nông nghiệp còn lại khu vực từ: Phía Tây: Giáp kênh 19 tháng 5; phía Bắc: Giáp Đường tỉnh 939; phía Đông: Giáp kênh dọc ấp Đại Chí</b>			
4.1	Đất nông nghiệp còn lại tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 5, khu vực 3	105.300
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	105.300
4.2	Đất nông nghiệp còn lại không tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 5, khu vực 3	91.600
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	91.600



Stt	Đặc điểm thửa đất	Loại đất	Phạm vi áp dụng	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
<b>5</b>	<b>Đất nông nghiệp còn lại khu vực từ: Phía Tây: Giáp kênh dọc ấp Đại Chí; phía Đông: Giáp đường Quốc lộ 1A</b>			
5.1	Đất nông nghiệp còn lại tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 5, khu vực 3	97.400
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	97.400
5.2	Đất nông nghiệp còn lại không tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 5, khu vực 3	84.700
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	84.700
<b>6</b>	<b>Đất nông nghiệp còn lại khu vực từ: Phía Tây: Giáp đường Quốc lộ 1A; phía Đông: Giáp kênh Phú Thuận</b>			
6.1	Đất nông nghiệp còn lại tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 5, khu vực 3	79.700
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	79.700
6.2	Đất nông nghiệp còn lại không tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 5, khu vực 3	69.300
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	69.300
<b>7</b>	<b>Đất nông nghiệp còn lại khu vực từ: Phía Tây: Giáp kênh Phú Thuận; phía Đông: Giáp ranh xã Tham Đôn</b>			
7.1	Đất nông nghiệp còn lại tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 6, khu vực 3	72.800
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	72.800
7.2	Đất nông nghiệp còn lại không tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 6, khu vực 3	63.300
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	63.300
<b>III</b>	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</b>			
1	Tiếp giáp đường đal, đường bê tông còn lại trên địa bàn xã Đại Tâm (trong phạm vi dự án)	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Trong phạm vi thâm hậu 30m, tính từ mép lộ giới	429.600
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	220.800
2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa vị trí còn lại (tiếp giáp đường đất hiện trạng, bờ kênh, vị trí còn lại)	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Trong phạm vi thực hiện dự án	220.800

Stt	Đặc điểm thửa đất	Loại đất	Phạm vi áp dụng	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
<b>B</b>	<b>Xã Tham Đôn</b>			
<b>I</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>			
1	Tiếp giáp đường Huyện lộ 57 (đoạn từ giáp đường 936 đến giáp ranh thành phố Sóc Trăng)	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30m, tính từ mép lộ giới	2.232.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	1.116.000
2	Tiếp giáp đường đal áp Phnôcambôth (đoạn từ Đường huyện 56 đến cuối đường)	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thâm hậu 30m, tính từ mép lộ giới	1.116.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	558.000
3	Đất ở còn lại (tiếp giáp đường đất hiện trạng, bờ kênh, vị trí còn lại)	Đất ở tại nông thôn	Trong phạm vi thực hiện dự án	368.000
<b>II</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>			
1	Tiếp giáp đường Huyện lộ 57 đoạn từ giáp đường 936 đến giáp ranh thành phố Sóc Trăng	Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	864.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	432.000
2	Tiếp giáp đường đal áp Phnôcambôth (đoạn từ Đường huyện 56 đến cuối đường)	Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	432.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	216.000
3	Tiếp giáp đường đal, đường bê tông còn lại trên địa bàn xã Tham Đôn (trong phạm vi thực hiện dự án)	Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	296.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	148.000
4	Đất nông nghiệp còn lại tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 5, khu vực 3	70.000
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	70.000
5	Đất nông nghiệp còn lại không tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 5, khu vực 3	60.800
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 5, khu vực 3	60.800



Stt	Đặc điểm thửa đất	Loại đất	Phạm vi áp dụng	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
<b>C</b>	<b>Thị trấn Mỹ Xuyên</b>			
<b>I</b>	<b>Đất ở tại đô thị</b>			
1	Tiếp giáp đường Huyện lộ 56 (đường Trục Tôm - Lúa) đoạn từ hẻm kênh Chủ Hồ đến giáp ranh xã Tham Đôn	Đất ở tại đô thị	Trong phạm vi thâm hậu 30m, tính từ mép lộ giới	3.752.000
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70, tính từ mép lộ giới	1.876.000
2	Đất ở còn lại (tiếp giáp đường đất hiện trạng, bờ kênh, vị trí còn lại)	Đất ở tại đô thị	Trong phạm vi thực hiện dự án	454.500
<b>II</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>			
1	Tiếp giáp đường Huyện lộ 56 (đường Trục Tôm - Lúa) đoạn từ hẻm kênh Chủ Hồ đến giáp ranh xã Tham Đôn	Đất nông nghiệp	Trong phạm vi lộ giới và phạm vi thâm hậu 30 mét, tính từ mép lộ giới	1.877.700
			Trong phạm vi thâm hậu từ mét thứ trên 30 đến mét thứ 70 tính từ mép lộ giới	938.800
2	Đất nông nghiệp còn lại tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 3, khu vực 2	80.700
			Vị trí 4, khu vực 2	80.700
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 3, khu vực 2	80.700
			Vị trí 5, khu vực 2	80.700
Đất nuôi trồng thủy sản	Vị trí 5, khu vực 2	80.700		
3	Đất nông nghiệp còn lại không tiếp giáp đường đất, bờ kênh, kênh thủy lợi	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 3, khu vực 2	70.200
			Vị trí 4, khu vực 2	70.200
		Đất trồng cây hàng năm	Vị trí 3, khu vực 2	70.200
			Vị trí 5, khu vực 2	70.200
		Đất nuôi trồng thủy sản	Vị trí 5, khu vực 2	70.200



**Điều 2.** Căn cứ giá đất cụ thể được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý dự án 2 và các đơn vị có liên quan triển khai các thủ tục tiếp theo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn đi qua địa bàn huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng) theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Ban Quản lý dự án 2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh;
- Phòng TN&MT huyện MX;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vương Quốc Nam**

